

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2017

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Dệt

2. Bà Tô Thị Lành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2017, về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2017/QĐST- HNGĐ ngày ngày 08 tháng 8 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị P, sinh năm 1983.

Địa chỉ : đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai

2. Bị đơn: Anh K, sinh năm 1981.

Địa chỉ: đường K, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Chị P có mặt, anh K vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2016, tại bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị P và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 07/2009, ngày 16/02/2009. Từ năm 2011 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đỉnh điểm là từ đầu năm 2017 đến nay, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và khi mâu thuẫn thì anh K hay dùng vũ lực đánh chị P. Để giữ hạnh phúc gia đình chị P đã cố gắng chịu đựng, nín nhịn và khuyên nhủ anh K. Đến nay, anh K không thay đổi. Chị P thấy mâu

thuần vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu H, sinh ngày 02/9/2009 và cháu K, sinh ngày 05/10/2015. Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai, tại các biên bản hòa giải bị đơn anh K trình bày:

Về hôn nhân: Anh K và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 07/2009, ngày 16/02/2009. Trong quá trình chung sống anh K cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và anh K cũng có đánh vợ và chị Phụng cũng có vài lần cầm đồ đạc đánh anh K. Chị xin ly hôn thì anh K không đồng ý vì cho rằng vẫn còn thương vợ con và con đang còn nhỏ.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu H, sinh ngày 02/9/2009 và cháu K, sinh ngày 05/10/2015. Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, anh K không đồng ý mà muốn giao cho chị P nuôi con là cháu K còn anh K nuôi con là cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị P và anh K mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, cho chị P được ly hôn với anh K; Giao cho chị P nuôi cháu K, giao cho anh K nuôi cháu H; Việc cấp dưỡng và tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị P có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh K có địa chỉ tại đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn là anh K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 07/2009, ngày 16/02/2009. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị P và anh K là hợp pháp.

[3] Chị Pg cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và khi mâu thuẫn thì anh K hay dùng vũ lực đánh chị P. Sự việc mâu thuẫn vợ chồng và đánh vợ cũng được anh K thừa nhận trong biên bản hòa giải nhưng anh K không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn thương vợ con và con đang còn nhỏ. Tuy nhiên Tòa án đã cho thời gian và tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, mặt khác chị P cho rằng anh K không có thiện chí hàn gắn và vẫn không thay đổi tính cách nên hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng và chị P không còn thương yêu anh K nữa do vậy xin ly hôn càng sớm càng tốt. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là cháu H, sinh ngày 02/9/2009 và cháu K, sinh ngày 05/10/2015. Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, anh K không đồng ý mà muốn giao cho chị P nuôi con là cháu K còn anh K nuôi con là cháu H. Xét thấy chị P và anh K cả hai người đều có công việc ổn định để bảo quyền lợi chính đáng về mọi mặt của con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị P nuôi con là cháu K, giao cho anh K nuôi con là cháu H, việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H muốn ở với anh K khi bố mẹ ly hôn.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh K không yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P

- Về hôn nhân: Chị P được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Giao con chung cháu K, sinh ngày 05/10/2015 cho chị P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Giao con chung là cháu H, sinh ngày 02/9/2009 cho anh K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0002831 ngày 14/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Đak Pơ, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai
- GCNKH số: 07/2009, ngày 16/02/2009;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PLEIKU  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Pleiku, ngày 28 tháng 10 năm 2016*

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Hồng**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Lê Na** và ông **Ngô Xuân Dệt**

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 28/10/2016, tại phòng nghị án, hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị Tường Nhi với bị đơn là anh Trần Quang Vinh.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

### **1. Về điều luật áp dụng:**

- Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

### **2. Về nội dung vụ án:**

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tường Nhi.

**Về hôn nhân:** Chị Phạm Thị Tường Nhi được ly hôn với anh Trần Quang Vinh.

**Về con chung:** Giao con chung là cháu Trần Bảo Nam, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Phạm Thị Tường Nhi được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi

dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

### **3. Về án phí và các nội dung khác:**

- Về án phí: Chị Phạm Thị Tường Nhi phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002818 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Nhi đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



